TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2021/HNGĐ - ST
Ngày 20/10/2021
V/v: "Xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Bà Lê Thị Thúy Hằng
- *Các Hội thẩm nhân dân*:
  1. Ông: Trần Văn Phước
  2. Ông: Trần Văn Tiền
- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Sơn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa:* Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2021 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 189/2021/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021, về việc: "***Xin ly hôn***" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31/5/2021 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Lê Thanh Thúy T**, sinh năm: 1990. Có đơn xin mặt.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.
+ Bị đơn: **Nguyễn Chí T**, sinh năm: 1983. Vắng mặt.
Địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn là chị Lê Thanh Thúy T vắng mặt tại tòa nhưng có lời trình bày tại đơn khởi kiện ngày 15/3/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Chị và anh Nguyễn Chí T kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không phù hợp nên thường xuyên cải vã và không quan T lẫn nhau. Chị nhiều lần tạo cơ hội và động viên khuyên giải để hòa hợp nhưng không có kết qủa. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng hơn nên chị cùng các con về nhà mẹ ruột sống và đã ly thân cho đến nay. Nay, chị nhận thấy vợ chồng không thể hàn gắn lại được vì tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 17/02/2011 và Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 04/5/2013 hiện đang sống với chị, chị yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Nguyễn Chí T vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ: Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thanh Thúy T đối với anh Nguyễn Chí T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe Kiểm sát viên phát biểu. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Lê Thanh Thúy T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Bị đơn anh Nguyễn Chí T đã được Tòa án tiến hành việc cấp tống đạt hợp lệ nhiều lần mà vẫn vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Chị Lê Thanh Thúy T và anh Nguyễn Chí T tự nguyện kết hôn vào năm 2009, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre. Trong qúa trình sinh sống đã phát sinh mâu mẫu không giải quyết được nên anh chị đã không còn sống chung với nhau. Chị T cho rằng, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T không quan T đến hạnh phúc gia đình. Chị nhiều lần động viên khuyên giải tạo cơ hội để vợ chồng hàn gắn nhưng không có kết quả nên chị và anh T đã không còn sống chung từ năm 2013 đến nay. Nay, chị khẳng định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn với anh T. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên hòa giải và thông báo việc giao nộp chứng cứ theo quy định của pháp luật nhưng anh T vẫn vắng mặt không lý do, coi như đã từ bỏ thiện chí xin đoàn tụ với chị T. Qua xác minh thu thập chứng cứ ở địa phương nơi anh chị sinh sống cho thấy, chị T và anh T đã xảy ra mâu thuẫn và có thời gian sống ly thân để tạo cơ hội hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết qủa. Do, anh T vắng mặt nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho anh chị đoàn tụ được mà lập biên bản hòa giải đoàn tụ không được. Hội đồng xét xử xét thấy, tình trạng hôn nhân của chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh T.

[3] Trong thời gian chung sống, chị T và anh T có 02 con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 17/02/2011 và Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 04/5/2013 hiện đang sống với chị T, chị T yêu cầu tiếp tục nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, việc trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn không những là quyền mà còn là nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chưa thành niên. Hiện cháu T và cháu N đang sống với chị T, chị T vẫn đảm bảo được việc nuôi dạy con tốt không có vi phạm gì. Hơn nữa, cháu T và cháu N cũng có nguyện vọng được sống với chị T. Để đảm bảo cho đời sống của con sau này và để không làm xáo trộn cuộc sống của con nên chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là phù hợp và ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

[5] Về nợ chung: Chị T khai không có nên ghi nhận.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thanh Thúy T đối với anh Nguyễn Chí T.

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Lê Thanh Thúy T được ly hôn với anh Nguyễn Chí T

2. Về con chung: Chị Lê Thanh Thúy T được tiếp tục trông nom chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Chí T, sinh ngày 17/02/2011 và Nguyễn Hiếu N, sinh ngày 04/5/2013 cho đến khi cháu T và cháu N tròn 18 tuổi. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên ghi nhận.

4. Về án phí: Chị Lê Thanh Thúy T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*). Do chị T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai số 0005056 ngày 24/3/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre nên được khấu trừ. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có mặt tại tòa có quyền kháng cáo, các đương sự vắng mặt tại tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND xã nơi cư trú của các đương sự vắng mặt để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND T. Bến Tre;
-VKS H. Châu Thành;
-CCTHADS H. Châu Thành;
-Các đương sự;
-UBND xã, phường (nơi ĐKKH).
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng